

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lĩnh.

2/ Bà Lê Thị Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Trung Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 487/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị Ngọc A, sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Anh Cao Tấn T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc A trình bày:

Tôi và anh Cao Tấn T do quen biết nhau từ năm 2017 đến năm 2019 thì kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2019 ngày 15/3/2019. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung với gia đình chồng ở xã P. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do là anh T cờ bạc gây nợ nhiều lần, tôi có khuyên anh T thay đổi để lo cho con chung, anh T có hứa bỏ cờ bạc nhưng sau đó lại thiếu nợ nên vợ chồng gây gổ. Anh T không lo làm ăn phụ giúp gia đình, lo cho con chung. Gia đình anh T có hòa

giải nhưng không có kết quả. Từ giữa năm 2023 đến nay chúng tôi ly thân, không còn liên lạc gì với nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Cao Huỳnh Tấn P, sinh ngày 29/8/2020. Từ lúc ly thân đến nay con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Cao Tấn T đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Cao Tấn T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải là thực hiện không đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngọc A có đơn xin vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngọc A, anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị Ngọc A yêu cầu được ly hôn với anh T, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Ngọc A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2019 ngày 15/3/2019 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Ngọc A trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do là anh T cờ bạc gây nợ nhiều lần, chị có khuyên anh

T thay đổi để lo cho con chung, anh T có hứa bỏ cờ bạc nhưng sau đó lại thiếu nợ nên vợ chồng gây gổ. Ngoài ra anh T không lo làm ăn phụ giúp gia đình, lo cho con chung. Gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Từ giữa năm 2023 đến nay vợ chồng ly thân, không còn liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Ngọc A và anh T đã phát sinh trong thời gian dài, chị Ngọc A và anh T ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngọc A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh T đã không còn thiết tha với cuộc sống vợ chồng cùng với chị Ngọc A.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh T và chị Ngọc A không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị Ngọc A và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Ngọc A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ngọc A và anh T có một con chung là cháu Cao Huỳnh Tấn P, sinh ngày 29/8/2020, từ lúc chị Ngọc A và anh T ly thân đến nay cháu P do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu P cần tiếp tục giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngọc A và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc A.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Ngọc A được ly hôn với anh Cao Tấn T.

2/. Về con chung: Giao cháu Cao Huỳnh Tấn P, sinh ngày 29/8/2020 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Ngọc A chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T chưa yêu cầu.

Chị Ngọc A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Ngọc A đã nộp theo biên lai thu số 0016933 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Ngọc A đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngọc A, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang